

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 310 /2022/DS-PT

Ngày: 20 /7/2022

V/v “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông
Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2022, tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc
thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về
việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2022
của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 231/2022/QĐ-PT
ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đặng Hoàng A - sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh Ân là: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm
1974. Địa chỉ: Số A, khóm A, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng
Tháp. Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2021).

2. Bị đơn:

2.1 Trương Thanh M - sinh năm 1990,

2.2 Trương Văn L - sinh năm 1990,

Cùng địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh - Đồng Tháp.

2.3 Trương Văn H - sinh năm 1951,

2.4 Trần Thị U - sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã A, huyện Cao Lãnh - Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Trương Thanh M, Trương Văn L là các bị đơn của vụ án.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/3/2021, L trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D, thì:

Anh Trương Văn L, chị Trương Thanh M, ông Trương Văn H và bà Trần Thị U do sửa chữa nhà ở nên có hỏi vay tiền của anh Đặng Hoàng A nhiều lần tiền, tổng số tiền đã vay là 782.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 18/8/2020 vay của anh A 596.000.000 đồng, không lãi suất, hạn đến ngày 17/01/2021 sẽ thanh toán; hai bên có làm biên nhận vay tiền; mục đích vay tiền là để sửa chữa nhà. Người vay tiền là anh L và chị M đứng ra vay tiền, nhưng người ký tên trên biên nhận chỉ có mình chị M, anh L không có ký tên.

- Ngày 29/12/2020 vay của anh A 186.000.000 đồng, không lãi suất, hạn đến ngày 17/01/2021 sẽ thanh toán; hai bên có làm biên nhận vay tiền; mục đích vay tiền là để sửa chữa nhà (nhưng không có ghi trong biên nhận). Người trực tiếp đứng ra vay tiền là anh L và chị M và cùng ký tên trên biên nhận, có ông Nguyễn Ngọc Nhum chứng kiến.

Tổng số tiền mà anh Ân cho chị M, anh L, ông H và bà U vay là 782.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay gia đình chị M vẫn chưa trả cho anh A được khoản nào.

Nay anh Đặng Hoàng A khởi kiện yêu cầu chị Trương Thanh M, anh Trương Văn L, ông Trương Văn H và bà Trần Thị U liên đới trả cho anh A số tiền vốn vay là 782.000.000 đồng, tiền lãi là 101.553.000 đồng (từ ngày 17/01/2021 tạm tính đến ngày 05/5/2022 ($10\%/năm \times 474 \text{ ngày} \times 782.000.000 \text{ đồng}$)) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất $10\%/năm$ cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, anh A có thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu anh L, chị M liên đới trả số tiền là 883.553.000 đồng, không yêu cầu ông H, bà U cùng liên đới trả.

Bị đơn chị Trương Thanh M, anh Trương Văn L cùng trình bày:

Anh L và chị M thừa nhận có vay tiền của anh A số tiền 186.000.000 đồng ngày 29/12/2020 và có ký tên vào biên nhận vay tiền. Anh L và chị M đã trả cho anh A được 36.000.000 đồng vào khoảng tháng 12 âm lịch năm 2020; việc trả tiền này không có làm biên nhận, không có ai chứng kiến; người nhận tiền là anh A. Mục đích vay tiền là để trả nợ chứ không có sửa chữa nhà như đại diện hợp pháp của phía anh A trình bày.

Về lãi suất thì, tổ tiền còn nợ lại là 150.000.000 đồng, tiền lãi đối với số tiền vay 100.000.000 đồng là 9.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng, số tiền 50.000.000 đồng là 7.000 đồng/ ngày/ 1.000.000 đồng. Hàng tuần vào ngày thứ 7 anh L và chị M phải đóng cho anh A 8.750.000 đồng tiền lãi. Từ khi vay đến nay anh L, chị M đã đóng được cho anh A khoảng trên 150.000.000 đồng tiền lãi; việc đóng lãi hàng tuần nhưng không có làm biên nhận, cũng không có người chứng kiến, nên nay anh chị không có chứng cứ gì để chứng minh cho L trình bày của mình.

Đối với số tiền anh A yêu cầu là 596.000.000 đồng thì anh L và chị M không đồng ý do anh L và chị M không có vay số tiền này, mà chỉ đồng ý trả cho anh A 150.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi.

Theo biên bản hòa giải ngày 07/5/2021 bị đơn bà Trần Thị U và ông Trương Văn H cùng trình bày như sau:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông Hiệt và bà Út không thống nhất. Ông H và bà U không biết việc chị M và anh L vay tiền của anh Ân. Việc anh Ân trình bày cho chị M và anh L vay tiền để sửa chữa nhà là không đúng. Ông Hiệt và bà Út không có vay tiền để sửa chữa nhà và hiện tại nhà của ông bà cũng không có tu bổ hay sửa chữa. Ông H, bà U không đồng ý trả số tiền cho anh A là 782.000.000 đồng và lãi theo yêu cầu của anh A.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 05/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Hoàng A.

Buộc chị Trương Thanh M và anh Trương Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đặng Hoàng A số tiền 883.553.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Hoàng A về việc yêu cầu ông H, bà U cùng liên đới với anh L, chị M trả cho anh A số tiền 883.553.000 đồng.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Trương Thanh M, anh Trương Văn L phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 38.506.590 đồng.

Anh Đặng Hoàng A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.879.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012518 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Về chi phí tố tụng khác: Chị Trương Thanh M phải chịu tiền chi phí giám định là 17.380.000 đồng (đã nộp và chi xong).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/01/2022, chị Trương Thanh M và anh Trương Văn L có đơn kháng cáo, chỉ đồng ý trả cho anh A 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29/12/2020 và không đồng ý trả lãi, không thừa nhận có vay số tiền 596.000.000 đồng theo biên nhận ngày 18/8/2020 vì cho rằng việc anh chị ký tên vào biên nhận này là bị phía anh A ép buộc, ký tên vào giấy trắng vào ngày 05/3/2021.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của chị Trương Thanh M và anh Trương Văn L là không có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị M, anh L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của chị Trương Thanh M và anh Trương Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh L, chị M không đồng ý đối với khoản tiền 596.000.000 đồng theo biên nhận ngày 18/8/2020 vì không thừa nhận có vay tiền anh Ân vào ngày 18/8/2020 cũng như không thừa nhận biên nhận ngày 18/8/2020 này. Nhưng tại Kết luận giám định số 677/KL-KTHS ngày 02/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp và Kết luận giám định số 957/KL-KTHS ngày 01/3/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại TP. Hồ Chí Minh – Bộ Công An đều kết luận xác định chữ ký và chữ viết “Trương Thanh M” trên nói trên là của chị M. Còn việc chị M và anh L cho rằng chị M bị phía anh Ân ép buộc ký vào giấy trắng không có nội dung sẵn thì anh L, chị M cũng không có chứng cứ gì để chứng minh việc này, hơn nữa, L trình bày này cũng mâu thuẫn chính L trình bày trên của các bị đơn là không thừa nhận có vay và ký biên nhận ngày 18/8/2020; mặt khác, nếu sự thật chị M ký biên nhận này là do phía anh Ân ép buộc thì lẽ ra ngay sau đó anh L, chị M phải trình báo với cơ quan chức năng, chính quyền địa phương để xử lý vụ việc mới phù hợp thực tế. Ngoài ra, đối với số tiền vay ngày 18/8/2020 thì mặc dù anh L không có ký tên trong biên nhận nhưng việc trước, trong và sau thời điểm ngày 18/8/2020 đến nay, anh L và chị M là vợ chồng hợp pháp, vẫn sống chung với nhau, không độc lập về kinh tế, nên số tiền vay này được xác định là được dùng vào mục đích kinh tế gia đình của vợ chồng chị M, anh L nên anh L cũng có nghĩa vụ liên đới với chị M đối với số tiền vay này theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử xác định chị M và anh L có vay của anh Ân 596.000.000 đồng theo biên nhận ngày 18/8/2020 là đúng.

Đối với việc bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn được 36.000.000 đồng trong số tiền vay 186.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29/12/2020 (do bị đơn chỉ thừa nhận chỉ có vay số tiền này), nhưng bị đơn cũng không có chứng cứ gì để chứng minh đồng thời nguyên đơn cũng không thừa nhận việc này, nên L trình bày này của bị đơn là không có cơ sở.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền vốn vay tổng cộng là 596.000.000đ + 186.000.000đ = 782.000.000đ và tiền lãi là 101.553.000đ ((từ ngày 17/01/2021 tạm tính đến ngày 05/5/2022 (10%/năm x 474 ngày x 782.000.000đ)) và tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440 của Bộ Luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của chị Trương Thanh M và anh Trương Văn L.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Hoàng Ân.

Buộc chị Trương Thanh M và anh Trương Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đặng Hoàng Ân số tiền 883.553.000 đồng (Tám trăm tám mươi ba triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Hoàng Ân về việc yêu cầu ông Trương Văn Hiệt, bà Trần Thị Út cùng liên đới với chị Trương Thanh M và anh Trương Văn L trả cho anh Đặng Hoàng Ân số tiền 883.553.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trương Thanh M, anh Trương Văn L phải liên đới chịu 38.506.500đ (Ba mươi tám triệu năm trăm lẻ sáu nghìn năm trăm đồng).

- Anh Đặng Hoàng Ân được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.879.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012518 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

4. Về chi phí tố tụng khác: Chị Trương Thanh M phải chịu tiền chi phí giám định là 17.380.000 đồng (đã nộp và chi xong).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trương Thanh M, anh Trương Văn L mỗi người phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà các đương sự đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0007471 và 0007472 ngày 05/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh (đã nộp xong)

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy